

## KINH A-SOA-MẠT BỒ-TÁT

### QUYỂN 2

Bồ-tát A-soa-mạt nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Phát tâm Bồ-tát vĩnh viễn là vô cùng tận. Vì sao? Vì không văn vẻ, cũng không đua nịnh, tâm ấy ngay thẳng nên gọi là thù thắng, không nói lời thêu dệt, chỉ dùng lời thanh tịnh, đúng đắn, không tà vạy. Tâm ấy hòa dịu, không hung dữ, hết lòng tin tưởng, chắc chắn chưa từng biến đổi, tạo được sự vững bền, không thoái chuyển, đứng vững không lay động, không ai có thể ganh ghét mà quấy rối, nhiều hại được. Vì sao không thể nhiều hại? Nhờ nẻo hạnh chuyển hóa nghiệp chẳng có gì sánh kịp, chỗ tạo lập nên không ai có thể bài bác, phỉ báng. Vì sao không ai có thể chê bai? Vì đã dám phát khởi, tạo dựng từ chỗ không cội nguồn, do không cội nguồn nên diệu dụng chính đáng, ngôn từ chân thật, hoàn toàn không có khác. Dấy khởi công đức mà không mong cầu điều gì, chẳng cầu danh tiếng, được mọi người khen ngợi và kính ngưỡng thì không mắc lỗi lầm. Vì sao không mắc lỗi lầm? Vì chỗ tạo tác luôn được an ổn. Vì sao tự đạt được an ổn lâu dài? Vì đã biết phát huy các công đức không hề mệt mỏi. Sở dĩ không mệt mỏi vì thương yêu tất cả chúng sinh. Vì sao thương yêu tất cả chúng sinh? Vì dùng lòng từ vô tận, làm cho những kẻ lười biếng trở nên tinh tấn. Vì sao? Vì nhằm để giáo hóa chúng sinh. Vì sao giáo hóa chúng sinh? Vì thực hiện các điều này mới thành tựu các công đức, gắng sức tu tập không mong cầu phước báo. Sở dĩ không mong cầu phước báo vì tâm ấy thanh tịnh, đều nhờ ân pháp nên người không có đối tượng được mong cầu cũng có diệu lực. Sao gọi là diệu lực? Đó là diệu lực của Phật, dùng ý nghĩa này để hộ trì chúng sinh. Sở dĩ hộ trì chúng sinh là muốn cho muôn loài đều đạt được sở nguyện. Sở dĩ muốn cho họ đạt được sở nguyện là khiến họ không còn sân hận. Sở dĩ không sân hận là vì những hạnh nghiệp đã thực hiện rất an ổn, vững chắc. Sở dĩ vững chắc là do tạo được những điều như vậy nên không gì có thể ngăn cản, chế ngự khiến tâm ý trở nên vắng lặng, trong lành giống như vàng ròng không chút tạp chất. Sở dĩ ví dụ như vàng ròng vì không có cấu uế, không có cấu uế vì vốn thanh tịnh. Sở

dĩ thanh tịnh vì gốc của các hành đã dứt mọi thứ như bản. Sở dĩ dứt trừ như bản vì bên trong luôn thanh tịnh, tiêu trừ hết lỗi lầm nên được thanh tịnh.

Bồ-tát A-soa-mạt nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

– Tâm đã thanh tịnh thì tham dục tiêu trừ. Tâm kia không tham dục thì vô cùng tận. Các tâm ác không thể khuấy động. Lại, tâm ấy sáng suốt, hộ trì đối với những kẻ có ý xấu, do ý nghĩa này cho nên gọi là vô cùng tận. Tâm sân hận vì có tham dục, luôn luôn mong muốn, tự cao, tự đại. Những không thể diệt trừ ấy thấy đều diệt trừ hết. Vì Bồ-tát thường hộ trì tâm này, nên hiểu được tâm ấy là vô tận. Xả bỏ, không còn chú trọng đến thế lực của mình và các uế trước, phải đạt được tâm ấy mới không còn biếng nhác, liền biết tâm này là vô cùng. Nếu người rối loạn thì tùy theo lúc giúp đỡ. Với kẻ vô trí thì giáo hóa họ thành người trí. Đối với tất cả chúng sinh có công đức hay không có, đều được độ thoát, đến nẻo an lạc thì biết tâm ấy vô tận. Chỉ dạy tất cả chúng sinh đang gặp hoạn nạn, làm cho họ tạo dựng vô số công đức thì biết tâm ấy mãi mãi là vô cùng tận.

Bồ-tát A-soa-mạt nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

– Sự tu tập của Bồ-tát cũng vô tận. Vì sao? Do bố thí nên vô tận. Những gì có thể ban cho gọi là hạnh bố thí vượt bờ. Đối với tất cả đồ vật nhiều hay ít, biết đủ không tham đắm gọi là trì giới vượt bờ. Tất cả sự nhiễu loạn đến thân Bồ-tát đều không khởi lên sân hận dù chỉ một mảy may, gọi là nhẫn nhục vượt bờ. Tích lũy các công đức, thường dẫn đầu trong chúng gọi là tinh tấn vượt bờ. Tất cả sự học thường xuyên chú tâm, gọi là Thiên định vượt bờ. Những điều nghe biết đều muốn thông đạt, gọi là trí tuệ vượt bờ. Bồ-tát phải tu tập lòng Từ rộng lớn. Lòng Từ rộng lớn là gì? Nếu có người gặp khó khăn đến xin mình giúp đỡ, dù bỏ thân mạng, không trái với thế nguyện chính, gọi là lòng Từ rộng lớn. Người thực hành lòng Bi bình đẳng nếu có người khen ngợi hoặc được lợi ích chẳng lấy làm vui vẻ. Giả sử có ai phỉ báng cũng không lo buồn, đó là Bồ-tát thương yêu bình đẳng. Sự tu học của Bồ-tát có ba việc.

1. Làm thanh tịnh thân, miệng, ý.
2. Trọn không thực hành điều ác.
3. Chưa từng nhớ nghĩ các việc làm ngu tối, tà vạy.

Bồ-tát tuy học một mình không thầy cũng không tự đại. Mọi sự tu

học, tâm ý không quên mất, trí tuệ thông suốt tất cả, thâm tín các pháp của chư Phật và các hạnh nghiệp của Bồ-tát. Thuận theo tâm ý của người mong cầu, không thiếu sót. Thấu rõ tất cả pháp mà luôn được tự tại. Thường sám hối lỗi lầm, nếu thân có tội chưa từng che giấu, dùng vô lượng phước để khuyến trợ công đức. Bồ-tát tu học luôn tán thán, khuyến thỉnh Phật diễn giảng nghĩa lý, phụng hành, tu tập pháp học của bậc Chánh sĩ. Sở dĩ học pháp của bậc Chánh sĩ vì muốn đạt đến giác ngộ. Tâm đó vững chắc vì không bỏ thệ nguyện lớn với vô lượng công đức đã tạo được. Sở dĩ không xả bỏ là nhằm để giáo hóa chúng sinh.

Bồ-tát A-soa-mạt nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát có bốn việc không cùng tận, đó là:

1. Mở bày, chỉ rõ về tâm chúng sinh.
2. Bố thí pháp.
3. Dạy bảo chúng sinh.
4. Tích lũy công đức.

Lại có bốn pháp:

1. Tu tập một mình ở nơi núi hang, vắng vẻ, nhận được sự cúng dường nhiều hay ít đều cho là đủ.
2. Đối với tất cả công đức không nhàm chán.
3. Học rộng không mỏi mệt.
4. Sở nguyện đạt đến trí tuệ Bồ-đề không cho là nhọc nhằn.

Lại có bốn pháp:

1. Tính toán đối chiếu.
2. Tư duy về gốc ngọn.
3. Trí tuệ thông suốt.
4. Suy nghĩ cùng khắp.

Lại có bốn pháp:

1. Lìa mọi việc ác, tu hành pháp giải thoát vô thượng.
2. Người đạt giải thoát vô thượng ấy là Bồ-tát giáo hóa.
3. Hiểu rõ về nguồn gốc của mọi điều ác.
4. Nghĩ đến đạo giải thoát vô thượng Bồ-đề vi diệu.

Lại có bốn pháp:

1. Hiểu rõ về năm ấm.
2. Thông tỏ về bốn đại: đất, nước, gió, lửa.
3. Thấu triệt nguồn gốc của sáu trần.
4. Thấy được mười hai nhân duyên là không giới hạn.

Lại có bốn việc:

1. Giảng nói về sinh tử, vô thường mà không cùng tận.
2. Dạy bảo về thọ khổ.
3. Giảng giải về ngã, ngã sở.
4. Hành nghiệp vô vi là vắng lặng, không cùng tận.

Bồ-tát A-soa-mạt nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Nói một cách tổng quát, các Bồ-tát tu học đều gần gũi Phật đạo.

Vì vậy, phân biệt đạo và đời là không cùng tận.

Bồ-tát A-soa-mạt nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Tâm tu hành của Bồ-tát không thể cùng tận. Vì sao? Đối với các công đức tu tập không biếng nhác, lần lượt thành tựu các quả vị. Quả vị ấy được gọi là mười Địa của Bồ-tát. Chỗ tu tập của Bồ-tát giống như biển cả bao trùm khắp. Sở dĩ như vậy là vì cứu độ tất cả chúng sinh, nên sự tu hành ấy là đứng đầu, vượt lên trên tất cả, có thể thấu suốt hết thấy pháp tu hành tối thượng. Đối với hạng người kém hơn thì khiến họ chuyên tu tất cả pháp như hành trì mười điều thiện. Vì sao? Vì đó là pháp trên hết. Sở dĩ tu tập nhân giải thoát được chắc chắn đều do chuyên cần tinh tấn, không thoái lui, tự mình thành tựu đầy đủ. Do siêng năng tu tập, nên những sở nguyện chóng thành tựu. Vì đạt được nguyện lớn, nên sự tu hành của Bồ-tát hoàn toàn không bị lệ thuộc, đó là Định ý (Tam-muội). Nhờ sự tu tập uyển chuyển, nên những việc đã làm không còn thiếu sót. Điều hòa được tâm ý là đạo nghiệp tu hành do tự mình quyết định. Vì sao? Vì những việc làm không để các điều ác xen vào. Chuyên tâm bố thí, Bồ-tát không để thân tâm lệ thuộc nơi tham ái, chuyển đổi thêm lên. Siêng năng hành trì giới luật cũng thật là khó. Vì sao? Vì dẫn dắt người phạm giới khiến họ không làm các việc ác. Tinh tấn, nhẫn nhục cũng rất khó. Sở dĩ gọi là nhẫn nhục, vì tuy sống trong cảnh giàu sang phú quý, mà không khinh hạng người nghèo hèn, thiếu thốn, yếu đuối. Thực hành chuyên cần tinh tấn là khó. Ví như khi Bồ-tát an tọa nơi cõi Bồ-đề, có người đến muốn chiếm đoạt chỗ này, vì nhằm giữ lấy Phật đạo nên Bồ-tát kiên quyết không rời chỗ, đó là tinh tấn. Chuyên tu thiền định là khó, vì không ai có thể vượt hơn, phải thường xuyên tu tập thiền định mới có thể thành tựu biện tài, không có đối tượng được mong cầu, đó là thiền định. Chuyên tu trí tuệ là khó. Vì sao? Vì tích lũy các công đức, không hề biết mệt nhọc, đó là trí tuệ. Đi đứng, ra vào, an

nhiên, hòa nhã, oai nghi đầy đủ. Sở dĩ như vậy, vì công đức luôn bền vững, không ai có thể hại được. Tu tập vô sở úy, hiểu rõ tận cùng lý sâu xa của các pháp, nên hết lòng tôn kính tu tập. Sở dĩ như vậy, vì ánh sáng ấy rất vi diệu soi chiếu cùng khắp, nên nẻo hành vô tận. Vì sao? Vì đã an trụ một cách vững chắc. Sao gọi là siêng năng? Tâm ý thản nhiên, thường nhớ nghĩ đến chúng sinh. Người không nơi nương tựa làm cho được nương tựa. Nếu có người mê muội khiến cho họ thấy được ánh sáng của đạo. Người không có chỗ quy về, đều được quay về. Người không có bạn lành thì làm bạn lành với họ. Người dua nịnh thì thiếu khiến họ trở nên thật thà. Thấy người hung dữ thì mình tỏ ra nhường nhịn, hòa nhã. Vì sao? Vì dùng đức để giáo hóa, nên đối với những kẻ xảo trá mà hiện bày nghĩa chân chánh, ở trong giao tiếp thì nên khiêm tốn. Đối với những trường hợp không báo đáp thì thực hành báo đáp ân đức. Ở những nẻo ác mà tu tập hạnh lành, ở chỗ người ta phế bỏ, thoái lui thì tu phước đức. Ở chốn kiêu mạn thì thực hành cung kính. Ở chỗ cao ngạo, chẳng nên tự đại. Ở nơi cầu đạt mọi tiện lợi, không nên làm điều sai trái, không nhớ nghĩ việc ác của người, không nói lỗi lầm. Nếu ở nơi bất chánh, liền đến giúp đỡ khiến họ đi vào chân chánh. Tất cả chúng sinh đều đạt đến chỗ này, thấy được việc ấy tất vui mừng, tâm không giận dữ. Nếu có người can gián, dụ dỗ, bảo tới hoặc lui, nên như vậy hay không nên như vậy thì tâm không thêm bớt. Dốc lòng tin vào việc làm có họa hay phước để trở về với chính mình. Nếu ở nơi đồng hoang, núi non vắng vẻ thì theo như pháp tu tập không khác, chẳng tham lợi, hại chẳng tiếc thân mạng. Tâm thanh tịnh nên trước hết không tăng giảm, thường giữ gìn lời nói, không vọng ngữ, không mong cầu sự cung kính. Vì sao? Vì luôn biết tiết chế, biết đủ, tâm ấy hòa dịu, không theo việc xấu ác làm mất lễ nghĩa, nhờ có công đức nên vượt qua sinh tử, dứt mọi khổ nạn. Vì sao? Vì nhờ những việc ấy nên trí tuệ của Bồ-tát mãi mãi là không cùng tận. Vào ra trong sinh tử cũng vô cùng tận, dùng phương tiện quyền xảo, tùy theo căn cơ, nhận biết toàn bộ sự mê mờ của chúng sinh để giáo hóa họ. Vô cùng tận là để cầu ánh sáng của Phật đạo vô tận.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Bồ-tát A-soa-mạt:

–Có pháp vô tận khác sao?

Bồ-tát A-soa-mạt nói:

–Có.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi tiếp:

–Pháp ấy là gì?

A-soa-mạt đáp:

–Bồ-tát bố thí là vô cùng tận. Vì sao? Vì sáu pháp Ba-la-mật là vô tận, nên Bồ-tát bố thí cũng không giới hạn. Có giới hạn vì có phải trái, nên cho người này, không cho người kia bố thí không cùng khắp thì không nên bố thí.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Pháp Bồ-tát phải làm về bố thí là như thế nào?

A-soa-mạt nói:

–Người đói thì cho họ ăn. Vì sao? Vì con người nhờ ăn mặc mà được tồn tại, có thể sống lại, đi đứng nói năng đều được an ổn, thân thể mạnh khỏe, sức lực dồi dào. Người khát thì cho nước uống, sẽ được hết khát. Vì sao? Vì nếu ở đời sau, Bồ-tát lưu chuyển trong sinh tử thường không đói khát. Nếu có người cầu xin xe, nên tùy ý của họ mà ban cho, nhờ phước báu ấy, đời sau sinh ra có thần thông bay đi tự tại đến nơi muốn đến. Người không có áo mặc thì nhân đó ban cho y phục, đời sau sinh ra liền đủ y phục, thường có đủ hổ thẹn. Đối với những nơi chốn tối tăm thì ban cho đèn đuốc, liền được mắt đạo thấy khắp mười phương. Nếu ở trước Đức Phật, thầy tổ, anh em, cha mẹ, những bậc Trưởng lão mà xướng lên những thứ âm nhạc để làm vui lòng họ thì đời sau sinh ra được lãnh hội giáo pháp, nghe hiểu, thấu suốt vô tận. Nếu người không có hương thơm thì ban cho họ, đời sau sinh ra được năm phần hương: Giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến, thân này được thấm nhuần hương công đức. Nếu có người cầu hương tạp, hương danh, liền ban cho theo sự mong muốn thì đời sau sinh ra thân thể có mùi hương thanh khiết, ai cũng ưa thích. Nếu có những mùi vị khác lạ, thơm ngon mà có người đến xin thì tùy theo ý muốn của họ mà ban cho, đời sau sinh ra thường được các món ăn thượng hạng, hoặc thức ăn không ngon khi ăn liền trở thành thơm ngon, nhờ đời trước đã gieo trồng căn lành mà được phước đức này. Nếu người không có khăn lau, liền bố thí cho họ, đời sau sinh ra được sạch sẽ, được người khác che chở. Nếu có người không được giúp đỡ thì nên cứu giúp họ, giống như nhà cửa. Sở dĩ dụ cho nhà cửa vì nhà cửa luôn che chở con người. Tùy theo chỗ thiếu thốn mà cứu giúp, đời sau sinh ra chắc chắn được cung cấp đầy đủ. Gặp bệnh cho thuốc thì đời sau sinh ra thân thường mạnh khỏe, không sinh, không diệt, không

có các hoạn nạn, thường được an ổn, tất cả đều đầy đủ, không chỗ nào là không làm chủ. Người không có kẻ hầu hạ thì giúp họ người hầu hạ, đời sau sinh ra tự nhiên đầy đủ, như bậc vua có vạn cỗ xe, kẻ hầu người hạ, không gì thiếu thốn. Người cầu của báu thì ban cho họ của báu, đời sau sinh ra thành tựu đầy đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân.

Bố thí nhiều thứ với ngân ấy chủng loại thì đời sau sinh ra được tám mươi vẻ đẹp. Người bố thí voi, ngựa thì đời sau tâm ý thấu đạt pháp Đại thừa vô lượng. Dùng ruộng vườn bố thí thì nhân đó được đầy đủ Thiên định ba-la-mật. Đem của báu và vợ con yêu quý ban cho người khác mà sau đó tâm không hối tiếc thì thành tựu Phật đạo. Vì sao? Vì Phật là bậc tối thượng không ai sánh bằng. Giả sử có người theo Bồ-tát cầu được kho lúa gạo đầy ắp, Bồ-tát liền ban cho họ, chưa từng tham tiếc, đời sau liền đạt được kho tàng chánh pháp, đầy đủ đạo tuệ, không chỗ thiếu thốn. Giả như Bồ-tát được ngôi Chuyển luân vương làm chủ bốn cõi thiên hạ, bầy báu gồm đủ, nếu có người đến xin, liền ban cho hết, không luyến tiếc thì đời sau sinh ra đạt được Nhất thiết trí, các trí tuệ của bậc Thánh và cứu giúp khắp chúng sinh. Người dùng các thứ nhạc hay bố thí cho người khác thì đời sau được thấu hiểu kinh điển, lấy đó làm pháp lạc, luôn được vui vẻ. Hoặc vì bậc có uy lực, ngôi vị cao được người trung thành giúp đỡ, thực hành pháp bố thí, giống như trung thân của nhà vua, nếu có người đến xin nhận công việc cai trị cũng liền ban cho. Nhờ những sự việc này, nên đời sau sinh ra, gặp pháp Phật dốc sức giáo hóa, an tọa ở đạo tràng nơi cây Bồ-đề, hàng phục các ma. Dùng tay bố thí cho người, đời sau đứng đầu trong tất cả đạo pháp. Người bố thí tai, mũi, đời sau thân được đầy đủ, không bị khiếm khuyết. Người dùng mắt bố thí, về sau được mắt pháp, là bậc nhất trong tất cả mắt đạo pháp. Người dùng đầu bố thí, đời sau sinh ra, ba đời đều được đặc biệt tôn trọng, các trí tuệ thần thông không ai sánh bằng. Người bố thí da thịt, đời sau thành Phật đạo, người đến nghe kinh, liền bỏ các pháp bất thiện, đạt được hạnh của bậc Bồ-tát chân chánh. Dùng xương tủy bố thí cho người, đời sau được thành Phật đạo, thân như kim cang không thể lay động.

Bồ-tát A-soa-mạt nói:

–Bồ-tát không dùng sắc mà có sự bố thí là do tu tập chân chánh. Nếu có người đến xin nhiều hay ít, thấy đều cho họ được đầy đủ. Khi bố thí mà không lo sợ, không tham đắm thì thực hành bố thí không ô nhiễm hối hận, chưa từng biến đổi. Bồ-tát bố thí không kiêu mạn, luôn

thành tâm ban cho. Bồ thí không dua, dối, chẳng đem vật xấu, không đúng chỗ mong cầu mà cho người.

Bồ-tát bồ thí chưa từng nghĩ người có phước đức, người có tội lỗi không có hồ nghi, không phân biệt tốt xấu, không giữa chừng bỏ sót việc bồ thí. Sao gọi là giữa chừng bỏ sót việc bồ thí? Tức như ở trong hội lớn cho người này, bỏ sót người kia, mà chính là nhằm tế độ cùng khắp. Vì sao? Vì Bồ-tát đã bồ thí luôn hết thấy tin tưởng, chẳng nghĩ về chỗ mệt mỏi, không cho là cực khổ.

Bồ-tát bồ thí không nghĩ người nào có mặt mới cho, cũng không suy xét người này thiện, người kia ác, chẳng nhất định tìm người cầu đạt đạo mới cho. Sau khi bồ thí cho người thì không phân biệt người này được đạo, người kia không được đạo.

Bồ-tát bồ thí thấy người trì giới hoặc không trì giới đến nhận đồ vật, tâm hoan hỷ không có khác nhau. Bồ-tát đã bồ thí, không cầu mong được báo đáp lại, không cầu danh tiếng khiến cho xa, gần đều nghe, chẳng tự kể lể, chẳng ghét, chẳng phỉ báng. Việc bồ thí của Bồ-tát chẳng gây phiền não, nhiễu loạn, bồ thí không mang lòng oán hận, bồ thí không tức giận, bồ thí không vui mừng.

Bồ-tát bồ thí không nghĩ là đời sau sẽ được phước này, chẳng khởi lòng giận dữ, mắng nhiếc cho là ngu dại. Có người đến xin chẳng trước thì từ chối, sau rồi mới ban cho, chẳng xem nhẹ việc bồ thí, chẳng thay người khác đem vật đến cho. Vì sao? Vì phải tự tay mình bồ thí, cũng không nghĩ người ở trước mặt ta thì ban cho, người không ở trước mặt thì không ban cho.

Bồ thí không ngăn ngại, tự mình hết lòng thí, không vội vàng, tự tay trao cho họ, bồ thí không đắn đo, suy nghĩ, khi cho, khi không cho. Bồ-tát không nghĩ việc bồ thí của ta rất mệt mỏi, cực nhọc, bồ thí từ trước đến nay không nhiều không ít, không chọn lựa vật xấu đem cho giữ lại vật tốt. Nếu có người đến xin luôn theo yêu cầu của họ, chưa từng giảm bớt. Việc bồ thí của Bồ-tát thường nghĩ đến các chúng sinh khắp chốn không thiên lệch, khiến cho người nhận luôn được an ổn.

Khi bồ thí thì nghĩ người ấy như là người ở trong đất nước mình. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh đều ở trong cõi đạo của Bồ-tát.

Lại nữa, công việc bồ thí, ít không xem thường, nhiều không vui mừng. Tuy bồ thí nhiều nhưng không xét nghĩ: Ta đã bồ thí rộng rãi vì đã như pháp bồ thí thì chẳng mong cầu.



Bồ-tát bố thí không nghĩ đến phước này sẽ thọ nhận công đức trong đời sống. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh đều mang ân bố thí nên chỗ bố thí cho người thì không nhớ nghĩ đến. Cũng không cho trên trời, dưới trời và trong loài người, riêng chỉ mình là đạt được uy lực tôn kính.

Việc bố thí của Bồ-tát là bố thí cùng khắp cho chúng sinh, không vì phước ấy mà mong cầu ngôi vị Phạm vương, Đế Thích, Tứ Thiên vương, cũng không mong cầu ngôi Chuyển luân thánh vương, không tu tập tâm Thanh văn, Duyên giác.

Bồ-tát bố thí tâm không nhớ nghĩ, bố thí đầy đủ cũng không hề tính toán đủ hay không đủ cũng đều bố thí là nhằm khiến cho tất cả chúng sinh không xa lìa trí tuệ thông suốt của chư Phật. Người nhận sự bố thí thường được đáp ứng ngay, không dùng binh khí, thuốc độc ban cho, mà luôn đem sự an ổn bố thí cho người, không tăng thêm nhiều hại.

Bồ-tát bố thí theo giáo pháp của Đức Phật, những vật đem cho biết rõ về tất cả đều là không. Sở dĩ như vậy, vì người bố thí dùng nhân duyên làm nơi phát khởi, do những việc trên mà không cùng tận. Người bố thí đều hiểu rõ là không có tướng, vì các tướng được phát khởi từ duyên ấy nên vô tận. Người đã bố thí đều đạt đến vô nguyện. Vì các nguyện luôn tạo nhân duyên lành, vì các việc này nên vô tận. Lấy ý của đạo pháp mà có việc bố thí, tâm này vững chắc hoàn toàn, đầy đủ, an ổn, không thể tan hoại.

Việc bố thí của Bồ-tát trong ba cõi không ai sánh kịp. Những việc bố thí của Bồ-tát khiến cho phước đó quay về theo hành nghiệp của Bồ-tát. Tâm chí ấy thường kiến lập, tâm cầu đạt đến Nhất thiết trí, do đó nên gọi là vô tận. Người được bố thí đó thoát khỏi các tướng, nắm giữ các ma khiến chúng không còn nhiều hại, xa lìa các phiền não nên vô cùng tận. Sự bố thí của Bồ-tát vượt hẳn tất cả, làm sáng rõ Niết-bàn. Những trường hợp bố thí dứt bỏ tâm nghi ngờ của họ nên vô tận. Người được bố thí an trú trong Phật đạo, không mong tâm khác, chỗ bố thí thích hợp nên không cùng tận. Bồ-tát bố thí ngồi nơi cây Bồ-đề của Phật thành tựu bậc Đẳng chánh giác. Người được bố thí là vô số các loại chúng sinh không thể tính kể, đều tế độ không cùng tận, cho nên gọi là vô tận. Về trường hợp bố thí không cùng tận, tức việc làm ấy là rộng lớn. Người được bố thí do chứng được đạo nên không ai có thể lay động, không ai có thể vượt hơn. Hướng chỉ là người bố thí, nên không cùng tận. Người thí và người được bố thí tâm

đều bình thản, như bậc Nhất thiết trí nên vô tận.

Hiền giả Xá-lợi-phất nói:

–Lành thay, lành thay! Thưa nhân giả A-soa-mạt, nhân giả đã khen ngợi sự bố thí của Bồ-tát là vô tận. Thật vui thay! Xin muốn được nghe Bồ-tát giảng rõ về nghĩa giới cấm vô tận.

Bồ-tát A-soa-mạt nói:

–Nghĩa của giới thanh tịnh nơi Bồ-tát cũng vô tận. Có sáu mươi bốn việc. Những gì gọi là sáu mươi bốn?

Bồ-tát thực hành lòng nhân, không giữ tâm làm tổn thương chúng sinh, thân cũng không giết hại, không lấy vật của người khác, không xâm phạm vợ của người khác. Nếu thấy Bồ-tát hướng đến chúng sinh thì thường nói lời chân thật, chưa từng nói hai lưỡi. Nếu có người tranh tụng thì Bồ-tát thường giải hòa cho họ, hoàn toàn không mắng nhiếc, chẳng nói lời ác. Vì sao? Vì Bồ-tát thường có tâm hổ thẹn, nói năng giữ lời, không nói dối sự việc.

Đối với tất cả mọi người không có ý nghĩ ganh ghét, không khởi tâm giận dữ đối với chúng sinh. Vì sao? Vì nhờ nhận được việc này, đời sau được thân tướng đoan nghiêm.

Tâm ấy thường chân chánh không theo các học phái khác, tâm thường vui thích nơi Phật đạo. Vì sao? Vì tâm ấy thanh tịnh, không có trần cấu, yêu thích pháp Phật. Sở dĩ như vậy là vì hiểu rõ không có pháp nào có thể vượt lên trên, nên dùng tâm nhân từ, hết lòng vì đạo.

Nếu thấy Sa-môn, Phạm chí liền dùng năm vóc đánh lễ quy y. Năm vóc là gì? Hai tay, hai đầu gối và đầu của mình cúi sát chân. Vì sao? Nhờ vị ấy chứng đạo mà tất cả đều quy y.

Tâm luôn hòa dịu, thấy người phạm điều sai trái, mình phải thận trọng không làm, đối với giới pháp luôn được đầy đủ, không có tâm cầu Thanh văn, Duyên giác, đối với những người phạm giới mà mình không chỗ phạm. Vì sao? Vì đời sau không muốn sinh vào các gia đình đánh cá, săn bắn, ngu tối, nên thường tu hành tinh tấn, không lưỡi biếng. Vì sao? Vì không cùng làm việc với những kẻ tà ác, nên giữ giới đầy đủ không thiếu sót, gần gũi bậc Trí đức, hiểu rõ pháp thâm sâu, không trái phạm, hết lòng tin tưởng giới cấm, phụng trì chân chánh thuận theo giới đúng như pháp, tất cả chúng sinh đều khen ngợi, giữ gìn giới cấm thanh tịnh đạt đến tận cùng nẻo Vô thượng Bồ-đề.

Bản tâm vui thích hành trì giới cấm, không nên truyền đạt lời nói

sai trái và lỗi lầm của người khác, do tâm không tà vạy nên giới được đầy đủ, không bị mê hoặc theo sáu trần, phụng trì giới hạnh, chẳng có điều gì là không tuyên dương. Lãnh hội những điều chư Phật Chánh giác đã biết, giới không có chỗ để mong cầu như điều mình thích, giới biết vừa đủ dứt mọi tham lam. Giới ấy thuần khiết, không lẫn lộn những điều ác. Thân tâm thanh thản, không có điều lo buồn, thường ưa chỗ vắng vẻ, chưa từng ham ở nơi ồn ào.

Giới có thể hoàn bị đúng như lời dạy của đạo pháp, không thân nhận từ người khác, cẩn thận đối với giới cấm, luôn dùng y phục thích hợp, công đức ấy không ai sánh kịp, hợp với bản nguyện không dùng đồ ngon vật lạ mà làm rối loạn tâm ý. Vì sao? Vì có đạo lực hạn chế những điều ác, nẻo hành đúng giới luật thì trời người đều vui mừng, thực hành giới tâm Từ để cứu giúp chúng sinh, tu tập tâm Bi nhận chịu mọi thứ khổ, tuân phụng, hộ trì giới chẳng biếng nhác, dùng giới tâm bình đẳng với tất cả chúng sinh, đối với thiện hoặc ác không có tâm phân biệt, thường xem xét giới cấm không làm hao tổn, không để cho tâm mình giông ruổi.

Giới không nghĩ đến điều ác, không nói lỗi của người, hộ trì tất cả chúng sinh, giữ gìn giới kiên cố, đừng để tâm chạy theo những ham muốn, thuận theo giới bố thí, dẫn dắt tất cả chúng sinh, vì giới nhẫn nhục nên không khởi tâm tức giận. Chí tâm vào giới tinh tấn, mãi mãi không thoái chuyển. Trì giới thiền định thì tâm ý được an ổn. Phụng trì giới trí tuệ thì rộng nghe nghĩa chân chánh không nhầm chán. Trì giới đa văn thì giác ngộ các pháp chính yếu. Thuận theo giới của các bậc Thiện tri thức thì thông đạt các pháp. Xả bỏ giới của các tri thức ác thì xa lìa các tà kiến và các nẻo không chân chánh của các học thuyết. Giữ giới không cậy vào thân thì biết vạn vật đều vô thường. Giữ giới không tham tiếc mạng sống thì chỗ tạo tác công đức ấy như vàng ròng. Giữ giới không hối hận thì tâm ý luôn thanh tịnh. Giữ giới không phiền hà thì ý ấy trong sáng, không cấu uế. Giữ giới không sân hận thì được an lạc. Giữ giới không mê hoặc thì không bị các dục lôi cuốn. Giữ giới không tạo sự nguy khó thì tránh được mọi tổn hại. Giữ giới không xung đột thì tâm không rối loạn. Giữ giới tâm được điều phục thì ý không lầm lạc. Giữ giới thông suốt, vắng lặng thì không bị nghiệp thế tục phát khởi. Giữ giới thuận theo chân chánh thì biết đúng như lời dạy. Giữ giới biết các hạnh nguyện là gốc thanh tịnh thì như giới của Như Lai. Vì sao? Vì thuận theo những điều căn bản như giới Đức Phật đã quy định, thường dùng bốn Tâm vô lượng để hóa độ chúng sinh, từ Nhất thiết trí

đi vào cửa đạo. Vì sao? Vì chẳng bao giờ mang hận. Đó là sáu mươi bốn việc của Bồ-tát để làm thanh tịnh giới cấm mà vô tận.

Bồ-tát A-soa-mạt lại nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát lại có tịnh giới chẳng tham thân mình, chẳng nghĩ nhớ về tất cả, chẳng tưởng nơi ta, người, chẳng kể tuổi thọ, chẳng nghĩ sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không nương bốn đại đất, nước, gió, lửa, mỗi thứ đều có bốn giới lớn, không có các tướng mắt nhìn sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân tiếp xúc pháp, không thân, miệng, ý. Giới ấy thường thanh tịnh, đó là tướng nhất tâm không mê loạn. Giới quán sát kỹ các pháp đã qua: Không, Vô tướng, Vô nguyện, cũng không hình tượng, vượt qua ba cõi, không chấp chặt, không trói buộc, giới ấy không suy nghĩ, cho nên không sinh ra. Vì sao? Vì không có chỗ sinh. Sở dĩ như vậy, vì giới không tạo tác, không tạo tác vì vốn không có đối tượng được tạo tác. Do vậy nên giới không hạn lượng, mọi ý niệm về trung gian cũng không có chỗ dừng, tâm ý thanh tịnh làm giới nhận biết không có chỗ trụ. Vì sao? Vì dứt mọi tưởng niệm. Giới không có đối tượng bị trói buộc. Sở dĩ như vậy, vì không có sự xô đẩy của dục, cũng không trụ vào sắc, cũng không trụ nơi vô sắc mà luôn gắn liền với các trần. Đó là giới. Xa lìa dâm dục, giận dữ, si mê, nhân nơi chỗ tối tăm mà được giải thoát gọi là giới. Không chấp, không bỏ, xả mười hai duyên gọi là giới. Không niệm về ngã và ngã sở, chẳng trụ nơi dục vì thế gọi là giới. Không tạo tác, không mong cầu, chẳng trụ nơi tưởng về sắc, không ở nơi tất cả danh sắc, đó là giới. Không tùy thuộc nhân duyên, không phiền, không não, không ngã, không phi ngã, không thuận hợp với nghi, gọi là giới. Không tham cầu phước mà có công đức do vượt qua các sự việc ác, phi pháp. Vì sao? Vì kẻ ngu tối là phi pháp, đó là giới. Không có ưu não, thân tâm luôn chân chánh nên gọi là giới tướng. Phụng hành giới, thận trọng như bệnh được chữa khỏi, khiến cho kinh điển nơi chánh pháp của chư Phật luôn được truyền bá. Pháp thân tự tại vô tận nên thường hiện hữu. Vì sao? Vì không rơi vào nhị biên: Một là thường, hai là đoạn. Thánh chúng tiếp nối nhân đó mà thuyết pháp, mọi sự tu học không gián đoạn. Vì sao? Vì thuận theo giới luật.

Bồ-tát A-soa-mạt bảo Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Nhân nơi gốc thanh tịnh nên không cùng tận. Thế nào là giới của thế gian? Nghĩa là chốn sinh tử nên có tận. Vì sao? Vì ở nơi năm cõi nên gọi là tận. Sở dĩ gọi tận là có vô thường nên không trụ nơi một chỗ. Ngoài ra, giới nơi năm thần thông của thần tiên đều là trí thế gian, cầu

sống lâu, các phép lạ nhưng mạng sống vẫn chấm dứt. Vì sao? Vì giới cấm có hạn lượng. Giới của hàng người như mười thiện cũng có hạn lượng. Vì sao? Vì đã lia bỏ giới giải thoát. Giới của chư Thiên cõi Dục cũng có hạn lượng. Vì sao? Vì công đức đã hết. Giới định của chư Thiên cõi Sắc cũng có hạn lượng. Vì sao? Vì định ấy chưa phải là định giải thoát. Giới tịch diệt của chư Thiên cõi Vô sắc cũng có hạn lượng. Vì sao? Vì pháp tịch diệt ấy chưa hưởng tới giác ngộ. Giới của bốn bậc Thanh văn cũng có hạn lượng. Vì sao? Vì đã chấp vào Niết-bàn. Giới của hàng Duyên giác cũng có hạn lượng. Vì sao? Vì không có tâm đại Bi.

Bồ-tát A-soa-mạt bảo Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Chỉ có giới pháp của Bồ-tát là vô tận.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Do những gì mà giới pháp của Bồ-tát vô tận?

Bồ-tát A-soa-mạt đáp:

–Vì các giới có hạn lượng đều chẳng phải là giới đúng nghĩa. Do đó, giới của Bồ-tát vô tận. Giới chân chánh này là hạt giống luôn tiếp nối nên vô tận. Thế nào gọi là “quả thật” nơi đạo quả vô tận chỗ gọi chung tánh là tâm của Bồ-tát, gọi là quả thật tức là mười Lực vô tận của Phật, nên gọi là giới pháp của Bồ-tát vô tận.

Bồ-tát A-soa-mạt nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Nhẫn nhục của Bồ-tát cũng vô tận, có ba mươi hai việc: Những gì là ba mươi hai thứ vô tận?

Không tham vương nơi dục, không dấy khởi ý niệm về chúng, thân không phạm và không khiến người khác phạm. Đó gọi là nhẫn nhục vô tận. Không nhớ đến các điều ác, không oán hận tất cả, không giận dữ với chúng sinh, không nghĩ việc ác của người, không tranh chấp với người, không quên giúp đỡ người, nếu bị người hủy báng mà vẫn nhẫn chịu, tự giữ gìn các hạnh của thân và giúp đỡ mọi người, thận trọng với tâm mình không bị lệ thuộc, thường nhớ nghĩ về đức thiện, không có tâm ái dục, được thân trang nghiêm, tin tưởng làm việc thiện, ác đều có báo ứng, miệng không nói lời hư dối, tâm thanh tịnh. Tâm của Bồ-tát luôn vững chắc, không bỏ chúng sinh, tự xét kỹ để nhận biết về các tâm niệm tà vạy, tâm thuận hợp hòa nhã, luôn giữ gìn tâm khiến cho các điều ác không thể sinh, tu hành thanh tịnh sinh vào cõi Phạm thiên, từ cõi trời sinh vào loài người, đầy đủ các tướng đức và tám mươi vẻ đẹp, đạt đến âm thanh êm dịu như là Phạm thiên, giải thoát khỏi

dâm dục, sân giận, ngu si, giao tiếp với mọi người qua sắc diện dịu hòa tươi vui, các công đức được tạo chưa từng quên mất, hàng phục các tà thuyết của ngoại đạo, do bỏ các thứ bệnh nên không gặp các hoạn nạn, do thuận hợp đầy đủ nơi đạo pháp của chư Phật đó gọi là nhẫn nhục, là ba mươi hai thứ vô tận, là nhẫn nhục của Bồ-tát.

Sao gọi là nhẫn nhục? Nếu có người mắng nhiếc, mình vẫn im lặng. Nếu có người đánh đập, mình không tìm cách đánh trả. Đó là nhẫn nhục. Vì sao? Vì không thấy có người đánh, mình bị đánh và vật đánh cũng không. Nếu có người giận dữ, mình vẫn không oán trách. Xem lời nói như huyễn hóa, nên dù có người khởi ý xấu ta vẫn không chống đối, như vậy mới có thể điều phục được tâm ý. Nếu có người nghĩ về điều xấu ác, ta vẫn bình thản và xét người này có lòng ác nhưng ta không nên làm theo. Nếu có người khen ngợi thì cũng chẳng cảm động, vui mừng. Vì sao? Vì nếu không phát sinh ý niệm ấy thì được lợi ích, điều phục được tâm ý. Nếu có bị suy hao chẳng lấy làm lo buồn nên tự biết đủ. Thấy người tán thán cũng không cho là điều hay. Nếu bị người phỉ báng thì chẳng động lòng. Vì sao? Vì có trí tuệ rộng lớn. Nếu được người cung kính cũng không cao ngạo, vì cầu sửa đổi tâm tánh. Ví như có người lễ bái cũng không vui mừng, cũng không nên nói: “Ông phải như vậy”. Nếu được địa vị, thế lực vẫn không tự đại. Vì sao? Vì tâm không lay động, luôn thương xót tất cả chúng sinh. Tuy ở nơi cực khổ nhưng vẫn không cho là hoạn nạn, chán bỏ. Tuy ở chốn vui sướng vẫn không vui mừng, do hiểu rõ các việc thế gian là vô thường, không vì tám sự ở đời mà chao động. Vì sao? Vì sống trong thế gian nếu có người quấy nhiễu vẫn không chống trả, không dám phạm. Giả sử có người phân thân ra từng đoạn ta vẫn nhẫn chịu, vì dốc thể hiện đầy đủ hạnh nghiệp của Bồ-tát. Nếu có người não hại, tâm ý mình cũng hoàn toàn không thay đổi vì biết rõ thân này do bốn đại hợp thành, có thể tan hoại, lấy gì để tham đắm. Vì sao? Do nhẫn nhục nên được thân Phật. Nhẫn nhục hết mọi khổ não không thể nói hết là điều khó. Vì sao? Vì nhờ đó mà đạt được sự kiếp lập an ổn lớn cùng năng lực của đạo Vô thượng Bồ-đề. Nếu ở trong chỗ tu của hàng Phạm chí, dù hiện thân vào lửa vẫn không bị tổn hại, vì muốn cho người ấy biết tâm thanh tịnh, chuyển hóa tâm mê hoặc khiến cho tâm chí họ trở về với nhân chân thật thì sẽ được sinh Thiên. Chỗ tu học của Phạm chí kia ưa thích thờ lửa thì sự thị hiện của Bồ-tát luôn biến đổi, đạo đức siêu vượt, thù thắng chẳng ai sánh bằng. Vì sao? Vì các bậc Phạm vương, Đế Thích,

Tứ Thiên vương đều cúi đầu đánh lễ Bồ-tát.

Nhẫn nhục của Bồ-tát không có giới hạn, do đó không thể cùng tận. Đối với người mạ ly không sân hận, cũng chẳng nghĩ là ai mạ ly mình, nhân nơi tự tại đó mà được pháp nhẫn. Bồ-tát không suy nghĩ, người ấy nhục mạ về mắt, tai, mũi, thân, miệng, ý của ta. Hoặc mạ ly nơi tâm chẳng? Vậy thì mắng chửi ở đâu? Không phụ thuộc vào các trần liên đạt được pháp nhẫn. Không nghĩ về những ai đến nhục mạ mình nên có thể hội nhập pháp nhẫn không người. Các nhẫn ấy đều chẳng phải là nhẫn. Vì sao? Vì chỉ giả nêu, gọi tên. Xét kỹ về nhẫn ấy cũng như tiếng vang nơi hang núi. Người hiểu được vấn đề này thì lãnh hội được pháp nhẫn vô thường. Chẳng nghĩ ta và người khác đạt được pháp nhẫn trung hòa, cũng không nghĩ mình theo pháp giáo hóa của ai đó, không trụ trong pháp ấy, đó gọi là nhẫn. Không nên dấy khởi niệm chỉ ta ở trong đạo, những người khác không kiến lập được đạo. Ta nghĩ về không, chẳng nghĩ về thật. Nghĩ về không tướng tư duy, chẳng nghĩ về có tướng, nghĩ về nhẫn rốt ráo, chẳng nghĩ về nhẫn chưa rốt ráo, nghĩ về nhẫn vô nguyện, chẳng nghĩ về nhẫn hữu nguyện. Nhẫn không sinh tử, chẳng khởi đầu, chung cuộc, nhẫn là có thể thực hiện, chẳng phải là không thể thực hiện. Nhẫn là có đức, chẳng phải là không có đức. Nghĩ về nhẫn là không sinh, chẳng nghĩ về đối tượng được sinh. Nhẫn vượt ra khỏi thế gian không cùng với thế gian hòa hợp. Nhẫn là nơi hội nhập đạo, chẳng phải là không hội nhập đạo. Nghĩ về nhẫn là giải thoát, chẳng phải là không giải thoát. Hiểu rõ nhẫn là Niết-bàn, không phải là sinh tử. Nhẫn nhục của Bồ-tát không sinh các ý niệm ấy. Vì sao? Vì chúng chẳng bình đẳng.

Các nhẫn của Bồ-tát gọi là gì? Là hiểu rõ, hội nhập vào không, không đoạn, không thường, đó là nhẫn của Bồ-tát. Cũng không nghĩ về sinh, chẳng nghĩ về không sinh, không nghĩ về hóa sinh. Nếu không hóa sinh thì chẳng khởi ý niệm về có không. Hiểu rõ nghĩa này đến vô tận nên gọi là không cùng tận. Nhẫn tức không có chỗ tạo tác, không nghĩ phải như vậy hay chẳng phải như vậy, không có nêu bày tức không có trói buộc, không cởi mở, không có chốn sinh ra nên chẳng tạo dựng, đã không có chốn sinh ra nên là vô tận. Nhẫn như vậy là đạt được pháp nhẫn Vô sở tùng sinh (nhẫn vô sinh). Kể từ lúc đạt được pháp nhẫn Vô sở tùng sinh cho đến lúc Như Lai an tọa nơi cõi Bồ-đề thì người hội nhập nhẫn này sẽ được thọ ký gọi là vô tận.

Khi Bồ-tát A-soa-mạt giảng nói phẩm Pháp nhẫn này, trong chúng hội đều tán thán:

–Lành thay, lành thay! Thật đúng là lời giảng của Bồ-tát A-soa-mạt.

Khi ấy, mười vạn chư Thiên đều dùng hoa trời, danh hương, cờ phướn, dù lọng tung rải lên cao để cúng dường Bồ-tát A-soa-mạt và các vị Bồ-tát khác. Âm nhạc của chư Thiên tự nhiên vang lên, làm vui lòng mọi người. Tâm của họ đều trong sáng, mang ý nghĩa rộng lớn, tất cả đều nói:

–Nguyện làm cho hết thảy chúng sinh luôn được sáng suốt như nhãn của Đức Như Lai. Nếu người nghe được âm thanh này mà không khiếp, không sợ, tâm không còn lo lắng thì những danh hương, hoa trời, cờ phướn, dù lọng này sẽ tràn đầy, biến khắp tam thiên đại thiên cõi Phật.

